TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 157/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 / 5 / 2018
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương;

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Văn Quang, cán bộ Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát kiểm sát;

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 437/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc: "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1981, nơi cư trú: số 535, tổ 18, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1982, nơi cư trú: số 605, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Bà A có mặt tại phiên tòa; ông H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: bà với ông H tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do nhiều nguyên nhân và vợ chồng không còn sống chung kể từ đó. Nay, nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H; Về

con chung không có; Về tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết;

Đối với bị đơn là ông Lê Thanh H: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H rất nhiều lần nhưng bà vẫn không đến để tòa án kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do ông H không đến những lần tòa án triệu tập nên tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được;

Tại phiên tòa,

Bà A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông H; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết;

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp đúng quy định pháp luật.

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tống đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, giữa ông H, bà A tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên phát sinh quyền nghĩa vụ vợ chồng; ông H với bà A là vợ chồng, nhưng không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Nên, xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A; Về tài sản chung - nợ chung: không xem xét;

Các đương sự cùng xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông H có địa chỉ nơi cư trú và thường xuyên sinh sống tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú; bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của ông H: Tòa án tiến hành thực hiện việc cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không gì sự bất khả kháng; Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: ông H với bà A tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 58 quyển số 01/2010 ngày 22/4/2010 nên hôn nhân giữa ông H, bà A là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Bà A cho rằng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên vẫn đến bà với ông H đã ly thân, không còn quan hệ vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2018, được ban ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, nơi ông H đang sinh sống cho biết: ông H hiện đang cư trú tại địa phương, việc tòa án tống đạt các văn bản tố tụng về việc bà A khởi kiện ly hôn thì ông H đều biết, ông H và bà A không còn sống chung hơn một năm nay. Nhưng việc mâu thuẫn giữa bà A với ông H cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…." Thế nhưng vợ chồng bà A, ông H không còn chung sống đã hơn ba năm nay. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn là bà A được ly hôn với ông H;

[2.2] Xét Về con chung: không có;

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Do đó, bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án Dân sự năm 2008;

Xử:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1981 được ly hôn ông Lê Thanh H, sinh năm 1982;

Về con chung: không có;

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là *300.000 đồng* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là *300.000 (Ba trăm ngàn) đồng* theo biên lai số TU/2015/ 0017301 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú; bà A đã nộp đủ.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà A có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Riêng thời hạn kháng cáo của ông H là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức